

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn H và Triệu Thị C.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- *Đồng bị đơn:* Anh Hoàng Văn C và chị Hoàng Thị L.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Hoàng Thị H.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Hoàng Văn V1, anh Hoàng Văn V2, Hoàng Văn B.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

+ UBND xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái- Do ông Hoàng Thái M- Chủ tịch UBND xã K là người đại diện theo pháp luật.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Anh Hoàng Văn C và chị Hoàng Thị L được quyền sử dụng 338,4 m² đất, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn H do Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái cấp ngày 04/6/2001, tại thửa đất số 11, thửa đất số 5, tờ bản đồ 66-A-b4, diện tích 17.800 m², mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất (RTS), số vào sổ cấp giấy 00551; địa chỉ thửa đất: Thôn T (trước đây là thôn H) xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Diện tích đất 338,4 m² anh Hoàng Văn C và chị Hoàng Thị L được quyền sử dụng có vị trí tứ cận như sau: Từ điểm A7 đến điểm A8 giáp với thửa đất số 1; từ điểm A8 đến điểm A5 giáp với thửa đất số 3; từ điểm A5 đến A6 giáp với thửa đất số 4; từ điểm A6 đến điểm A7 giáp với đường giao thông (vị trí tứ cận cụ thể theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ được kèm theo Quyết định và là bộ phận không thể tách rời của Quyết định).

2.2 Anh Hoàng Văn C và chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Văn H và chị Triệu Thị C tiền san gạt đất cải tạo mặt bằng là 20.800.000 đồng. Xác nhận anh C và chị L đã thanh toán đủ cho anh H và chị C 20.800.000 đồng, theo biên bản giao nhận tiền ngày 19-9-2022 giữa anh H, anh C và chị L.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục có liên quan đến thoả thuận trên theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn anh Hoàng Văn H và chị Triệu Thị C nhận chịu cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và 520.000 đồng án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán tiền san gạt đất cải tạo mặt bằng là 20.800.000 đồng mà bị đơn anh C và chị L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn anh H và chị C; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002128 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh H và chị C còn phải nộp 370.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Bị đơn anh Hoàng Văn C và chị Hoàng Thị L nhận chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 14.200.000 đồng, xác nhận anh C và chị L đã nộp 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo phiếu thu ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Yên; anh C và chị L đã thanh toán cho anh H 9.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền định giá, theo biên bản giao nhận tiền ngày 19-9-2022 giữa anh H, anh C và chị L (do anh H đã nộp tạm ứng 9.200.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền định giá).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Lên